

Số: 04/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Phương Lan;

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Ngô Thị Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “*Hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số: 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Hà Văn T, sinh năm 1959; (*Vắng mặt, có ý kiến xin giải quyết vắng mặt*)
- Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; (*Vắng mặt, có ý kiến xin giải quyết vắng mặt*)

Cùng ĐKKHKT: Thôn S, xã P, thành phố Hà Nội;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Đoàn Phương, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H – Chủ tịch UBND xã Đoàn Phương;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H – Chánh văn phòng HĐND & UBND xã Đoàn Phương. (*Vắng mặt, có ý kiến xin giải quyết vắng mặt*)

(*Giấy ủy quyền số 06/GUQ-CT ngày 29/01/2026 của UBND xã Đoàn Phương, TP. Hà Nội*);

Địa chỉ: Thôn Phúc Lộc, xã Đoàn Phương, TP. Hà Nội;

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn T đều thống nhất trình bày:

Ngày 16/12/1977, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đông, Sơn Tây, Tỉnh Hà Sơn Bình.

Tại thời điểm đăng ký, ông bà kê khai họ tên, ngày tháng năm sinh là Hà Văn T, sinh năm 1957 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 và được UBND xã Sơn Đông, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội) ghi nhận tại Giấy công nhận kết hôn ngày 16/12/1977. Tuy nhiên, thông tin đăng ký khai sinh gốc của ông bà là Hà Văn T, sinh ngày 01/01/1959 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/7/1960. Như vậy thời điểm kết hôn tôi và bà T chưa đủ tuổi nên việc kết hôn là trái quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, ông bà vẫn chung sống hạnh phúc tại địa phương và sinh được 04 con chung là:

1. Hà Thị H, sinh ngày 11/12/1978;
2. Hà Thị H, sinh ngày 13/10/1982;
3. Hà Thị H, sinh ngày 13/6/1986;
4. Hà Văn T, sinh ngày 28/10/1988;

Nay ông bà yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông bà theo Giấy công nhận kết hôn ngày 16/12/1977 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội nay là xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội; Yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông bà kể từ thời điểm có đủ điều kiện kết hôn theo quy định.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đoài Phương, TP. Hà Nội trình bày: Qua xác minh và tra cứu các hồ sơ, tài liệu về đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã Cổ Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội), UBND xã Đoài Phương xác định:

1. Ông Hà Văn T, sinh ngày 01/01/1959 theo Sổ đăng ký khai sinh số 19/2026 Quyền số 01/2026 do UBND xã Đoài Phương đăng ký ngày 15 tháng 01 năm 2026. Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/07/1960, theo Sổ đăng ký khai sinh số 41/1960 Quyền số 02/1960 do UBND xã Trung Nghĩa, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội) đăng ký ngày 27 tháng 7 năm 1960.

2. Do thời gian đã lâu, thay đổi trụ sở nhiều lần, UBND xã Đoài Phương. thành phố Hà Nội không còn lưu trữ được hồ sơ đăng ký kết hôn năm 1977 của UBND xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (nay là xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội); trong sổ đăng ký kết hôn không thể hiện thông tin về người thực hiện đăng ký kết hôn.

3. Nay ông Hà Văn T có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị T (đã được đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội (nay là xã Đoài Phương, TP. Hà Nội) ngày 18/12/1977; Yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông bà kể từ thời điểm có đủ điều kiện kết hôn theo quy định: Ủy ban nhân dân xã Đoài Phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp ngày hôm nay, ông T, bà T, đại diện UBND xã Đoài Phương đều vắng mặt, đều có ý kiến và đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ việc:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ việc: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, các điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ trưởng Bộ Tư pháp để chấp nhận yêu cầu của đương sự, tuyên bố hủy việc kết hôn Giấy công nhận kết hôn ngày 16/12/1977 của UBND xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội do trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội nhận định:

[1] Về Về tố tụng: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân kể công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.

Xét thấy, việc đăng ký kết hôn của ông T và bà T được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội nay đã được Ủy ban nhân dân xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội kế thừa quyền nghĩa vụ. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ của việc hôn nhân gia đình là: “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Thảo và bà Tần kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án như Bản sao Giấy khai sinh, kết quả xác minh tại UBND xã Đoài Phương có đủ căn cứ xác định ông Hà Văn T, sinh ngày 01/01/1959, bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/7/1960.

Ông T và bà T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/12/1977 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông T được 18 tuổi 11 tháng 15 ngày, bà T được 17 tuổi 4 tháng 19 ngày. Như vậy ông T và bà T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, do đó việc đăng ký kết hôn giữa ông T và bà T ngày 16/12/1977 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội là trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi.

Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn: Xét thấy từ khi đăng ký kết hôn năm 1977 đến nay, ông T và bà T vẫn chung sống hạnh phúc, đã sinh được 04 người con chung, nay cả ông T và bà T đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn nên Tòa án áp dụng điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ trưởng Bộ Tư pháp, xác định điểm công nhận quan hệ hôn nhân của ông T và bà T kể từ ngày bà T từ 18 tuổi trở lên là ngày 02/01/1979.

[3] Về lệ phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn lệ phí cho ông Thảo và bà Tần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, các điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ trưởng Bộ Tư pháp, xác định; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị T, tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị T Theo Giấy công nhận kết hôn ngày 16/12/1977 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội,

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Hà Văn T, sinh ngày 01/01/1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/7/1960 kể từ ngày bà ông Hà Văn T đủ tuổi kết hôn là ngày 01/01/1979.

3. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Miễn lệ phí cho các đương sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Quyết định được công bố; Đương sự vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo trong hạn 10 (mười ngày) kể từ ngày Quyết định được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND KV 9 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 9 – Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

Vũ Thị Phương Lan